

NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC

TRỢ TỪ “CHÚ” TRONG HOẠT ĐỘNG GIAO TIẾP TIẾNG VIỆT

ĐÀO NGUYỄN PHÚC

(TS, Vụ GD & ĐT, Ban Tuyên giáo trung ương)

Nằm trong hệ thống trợ từ tiếng Việt, trợ từ “*chứ*” mang bản chất chung của hệ thống trợ từ và cũng chứa những đặc điểm riêng biệt khá thú vị. Đặc biệt, trong môi trường giao tiếp tiếng Việt, những nét riêng này mới được bộc lộ rõ ràng, sâu sắc. Bài viết này tập trung vào phân tích và làm sáng tỏ một số những nét riêng ấy của trợ từ “*chứ*”.

1. Trợ từ “*chứ*” trong vai trò một kết tố

Trong vai trò một kết tố, trợ từ này có giá trị kết nối hai vế trong một phát ngôn: một vế trần thuật khẳng định có nội dung hiện thực tình thái và một vế có nội dung phủ định cái sự tình đã xuất hiện trong phát ngôn của người nói trước đó.

Ví dụ:

[1] Đây là người bạn học cùng lớp chứ không phải là anh trai tôi (tư liệu thực tế - TLTT).

Trong [1], trợ từ “*chứ*” có vai trò nối kết hai vế: vế 1 “*đây là người bạn học cùng lớp*” và vế 2 “*không phải là anh trai tôi*”. Nhờ có sự xuất hiện trợ từ “*chứ*” chúng ta mới hiểu là người nói phát ngôn này (Sp2) có mục đích phủ định một sự tình đã xuất hiện trong phát ngôn của đối ngôn (Sp1) trước đó (*Đây là anh trai của bạn đúng không?*) và nhờ đó mà tính chất khẳng định sự tình trong phát ngôn (*Đây là người bạn học cùng lớp*) của Sp2 được nhấn mạnh. Cụ thể hơn, trong tình huống này, phát ngôn của Sp2 mang ý nghĩa

khái quát: xác nhận và khẳng định sự tình A để phủ định sự tình B (Sp2 khẳng định một Sp3 nào đó là người bạn học cùng lớp chứ không phải là anh trai của mình để phủ định nội dung sự tình mà Sp1 đã đưa ra trong phát ngôn trước đó). Rõ ràng là, nếu bỏ trợ từ “*chứ*” và tách hai vế này thành hai phát ngôn riêng biệt thì sắc thái biểu cảm của phát ngôn sẽ không rõ nét. Chúng ta có thể hình dung ra một cuộc thoại đầy đủ hơn sẽ là:

Sp1: Đây là anh trai bạn, đúng không?

Sp2: Đây là người bạn học cùng lớp chứ không phải là anh trai tôi.

Trong vai trò kết tố, trợ từ “*chứ*” luôn luôn có vị trí ở giữa hai vế của một phát ngôn và đây cũng là dấu hiệu giúp ta nhận diện được hai vế tách biệt: một vế có nội dung trần thuật khẳng định nằm ở trước trợ từ “*chứ*” và một vế kia nằm ở sau trợ từ “*chứ*” có chứa nội dung sự tình B và cũng đồng thời ngầm ý phủ định luôn sự tình này (một sự tình đã xuất hiện trong phát ngôn trước đó của Sp1).

2. Trợ từ “*chứ*” trong quan hệ tác động với lực ngôn trung của phát ngôn

Hiệu lực và đích giao tiếp của phát ngôn có thể biến đổi khi xuất hiện trợ từ “*chứ*”. Trong một số ngữ cảnh nhất định, người nói có thể sử dụng trợ từ này với vai trò bổ trợ để làm tăng giá trị lực ngôn trung của phát ngôn. Chúng ta có hai phát ngôn:

[2] Em gọi cháu Bình đến(TLTT).

[3] Em gọi cháu Bình đến chứ (TLTT).

Chúng ta xem xét hai phát ngôn này trong một ngữ cảnh hội thoại: Sp1 chưa biết chính xác là ai đã gọi Sp3 tới và đã đưa ra một phát ngôn có lực ngôn trung là hỏi và Sp2 đưa ra lời phản hồi (hoặc là 2 hoặc là 3).

Xét ở tình huống thứ nhất, Sp2 đưa ra phát ngôn phản hồi [2]. Phát ngôn phản hồi này không có trợ từ "*chứ*", vì vậy ý nghĩa của [2] chỉ đơn thuần là tường thuật khẳng định và lực ngôn trung của [2] là khẳng định.

Xét ở tình huống thứ hai, Sp2 đưa ra phát ngôn phản hồi [3]. Phát ngôn phản hồi [3] có xuất hiện trợ từ "*chứ*", lúc này nghĩa của phát ngôn không đơn thuần là tường thuật khẳng định. Ngoài nghĩa tường thuật khẳng định, phát ngôn [3] còn có hàm ý phủ định một nội dung mệnh đề nào đó trong phát ngôn hỏi của Sp1 mà nội dung mệnh đề này không xuất hiện trên bề mặt câu chữ trong phát ngôn phản hồi của Sp2 và lực ngôn trung của phát ngôn [3]. Trong tình huống này ngoài khẳng định còn bao gộp cả lực ngôn trung phủ định. Có thể diễn đạt một cách đầy đủ phát ngôn [3] như sau: *Em gọi cháu Bình đến chứ không phải cô Lan gọi tới*.

Có thể thấy, trong chừng mực nào đó, sự có mặt của trợ từ "*chứ*" sẽ là một tác nhân bồi đắp làm tăng ý nghĩa nội dung của phát ngôn, giúp cho người nói bộc lộ được nhiều điều hơn những gì thể hiện trên bề mặt câu chữ. Chúng ta xem xét một số ví dụ khác dưới đây:

[4] Chính bà ấy đưa tôi trở lại chốn này *chứ* ai? (TLTT)

[5] Cậu muốn rủ mình cùng đi *chứ* gì? (TLTT)

[6] Thì cậu phải tới xin lỗi người ta *chứ* sao? (TLTT)

[7] Đọc xong thì phải trả lại người ta *chứ* còn gì nữa? (TLTT)

Xét về mặt hình thức, đây là những phát ngôn có lực ngôn trung hỏi. Tuy nhiên, xét sâu xa về nội dung và hàm ý hội thoại trong những ngữ cảnh giao tiếp nhất định, các phát ngôn [4, 5, 6, 7] còn có lực ngôn trung khẳng định do sự có mặt của trợ từ "*chứ*".

3. Trợ từ "*chứ*" trong vai trò thể hiện tình thái phát ngôn

Một chức năng quan trọng của trợ từ "*chứ*" là dùng để biểu thị thái độ của người nói đối với sự tình được nêu ra trong phát ngôn. Vì thái độ tình cảm của con người là vô cùng đa dạng, tế nhị nên việc sử dụng trợ từ *chứ* vào phát ngôn sẽ giúp các đối ngôn có cách biểu lộ tình cảm, thái độ của mình thêm phần uyển chuyển, tinh tế, giúp cho hiệu quả giao tiếp được nâng cao.

Trong nhiều tình huống giao tiếp, các đối ngôn sử dụng trợ từ "*chứ*" kết hợp với ngữ điệu nhẹ nhàng, hạ thấp giọng ở cuối phát ngôn giúp cho phát ngôn mang sắc thái tình cảm thân mật, hòa nhã, tạo ra mối quan hệ thân thiện, gần gũi giữa người nói và người nghe, rút ngắn khoảng cách quan hệ. Ví dụ:

[8] Em vẫn liên lạc về nhà đấy *chứ*! (TLTT)

[9] Anh đi cùng tôi *chứ* ? (TLTT)

[10] Lỗi là do anh Bình *chứ*! (TLTT)

Có những tình huống giao tiếp trợ từ "*chứ*" được sử dụng kết hợp với những trợ từ khác để nhấn mạnh tính hòa nhã, thân thiện quan hệ các đối ngôn. Ví dụ:

[11] Đẹp đấy *chứ* nhi! (TLTT) (kết hợp trợ từ "*chứ*" với trợ từ "*nhi*")

[12] Anh đi cùng em cũng được *chứ* sao? (kết hợp trợ từ "*chứ*" với trợ từ "*sao*")

Kết luận: Qua một vài phân tích nhỏ trên đây, bài viết của chúng tôi muốn làm rõ những bình diện chức năng cơ bản của trợ từ “*chứ*” trong hoạt động giao tiếp tiếng Việt. Đồng thời, từ việc tìm hiểu bản chất hành chức của một trợ từ cụ thể để làm rõ một vấn đề là, bên cạnh việc tìm hiểu một yếu tố ngôn ngữ bất kì theo quan điểm ngôn ngữ tiền dụng học, thì việc tìm hiểu yếu tố ngôn ngữ theo quan điểm dụng học là rất cần thiết. Bởi lẽ, ngôn ngữ sinh ra là để phục vụ hoạt động giao tiếp và hoạt động tư duy trừu tượng của con người. Cho nên đặc tính cơ bản của các đơn vị ngôn ngữ là làm thế nào để có thể đi vào hoạt động giao tiếp, hoạt động tư duy. Chúng tồn tại là để thực hiện hai chức năng cơ bản của ngôn ngữ. Qua hoạt động thực hiện hai chức năng mà bộc lộ những đặc điểm của mình, nếu không xét trong hoạt động, người nghiên cứu sẽ không phát hiện ra được.

Tài liệu tham khảo

1. Đỗ Hữu Châu (2004), *Giáo trình từ vựng học tiếng Việt*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
2. Đỗ Hữu Châu (1998), *Cơ sở ngữ nghĩa học từ vựng*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
3. Cao Xuân Hạo (1991), *Tiếng Việt – sơ thảo ngữ pháp chức năng*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
4. Đào Nguyên Phúc (2007), *Lịch sử trong đoạn thoại xin phép tiếng Việt*, Luận án tiến sĩ, Viện Ngôn ngữ học, Hà Nội.
5. Nguyễn Anh Quế (1988), *Hư từ trong tiếng Việt hiện đại*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
6. Phạm Hùng Việt (2003), *Trợ từ trong tiếng Việt hiện đại*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 12-01-2009)

(*Những giọng điệu ... tiếp theo trang 32*)
xung gọi khi nói với Dế Choắt. Đối với người hàng xóm đáng thương của Dế Mèn này, sự đổi thay về hình ảnh tinh thần của chính mình trong mối quan hệ với “người” khác như thế, là một kết thúc có hậu, thật là muộn mằn, nhưng như người đời vẫn nói: “Thà muộn còn hơn không!”.

*
* *

Được dựng lên thành một hoạt cảnh ồn ào và đầy kịch tính, câu chuyện “Dế Mèn - Dế Choắt” đã kể lại quá trình các nhân vật phải đi tìm và cuối cùng đã tìm thấy được chính mình. Riêng đối với Dế Mèn, bài học đáng ghi nhớ suốt đời ấy giúp cho chàng dế hiệp sĩ tương lai trở nên chín chắn hơn, trước khi bước chân vào một cuộc phiêu lưu đầy sóng gió và kì lạ, thực hiện những công việc to tát cho đời.

Trong hoạt cảnh nói trên, tính phức điệu của ngôn từ nghệ thuật đã dẫn dắt người đọc đến chứng kiến câu chuyện đã xảy ra bên đầm nước nọ, trong xã hội của loài vật, với những phong tục, những nỗi niềm và cả lời ăn tiếng nói như của con người. Ở nơi đó, nhân vật chính trong tác phẩm có lúc vừa gây đàn vừa hát một bài chào tạm biệt ông mặt trời, có lúc nghĩ việc đời vu vơ hoặc gây sự với hàng xóm, lại có khi ăn năn tội mình và ngậm ngùi thương cảm.

THƯ MỤC THAM KHẢO

1. Võ Bình - Lê Anh Hiền..., *Phong cách học tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, H., 1982.
2. Đỗ Hữu Châu, *Đại cương ngôn ngữ học, tập 2 (Ngữ dụng học)*, Nxb Giáo dục, H., 2001.
3. Nguyễn Thiện Giáp, *Dụng học Việt ngữ*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, H., 2000.
4. Viện Ngôn ngữ học, *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng - Trung tâm Từ điển học, Hà Nội - Đà Nẵng, 2006.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 30-06-2009)